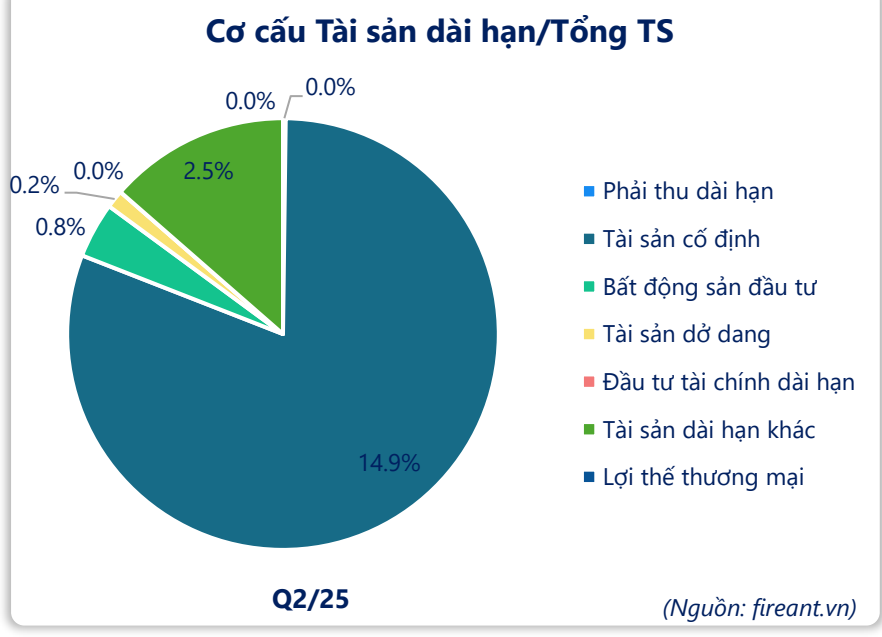
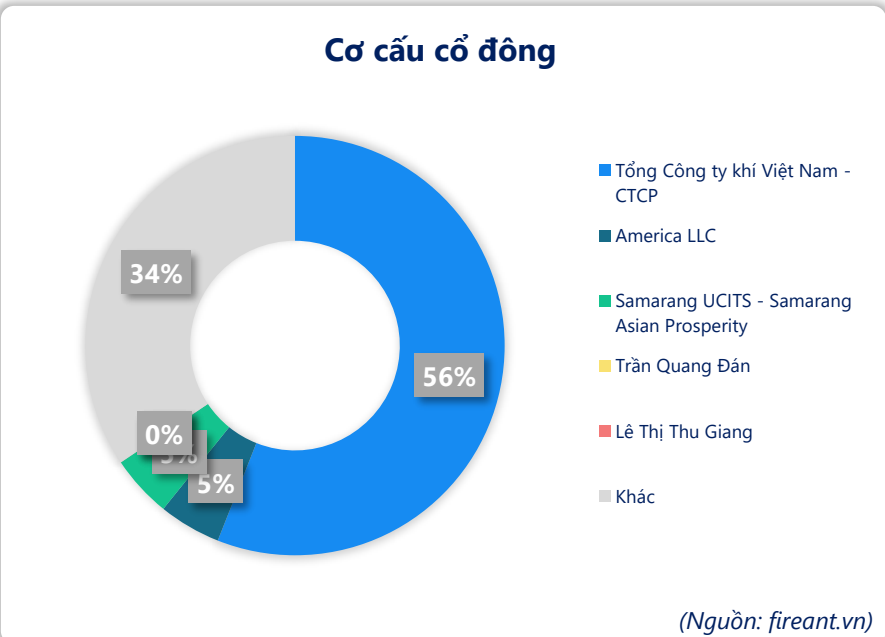
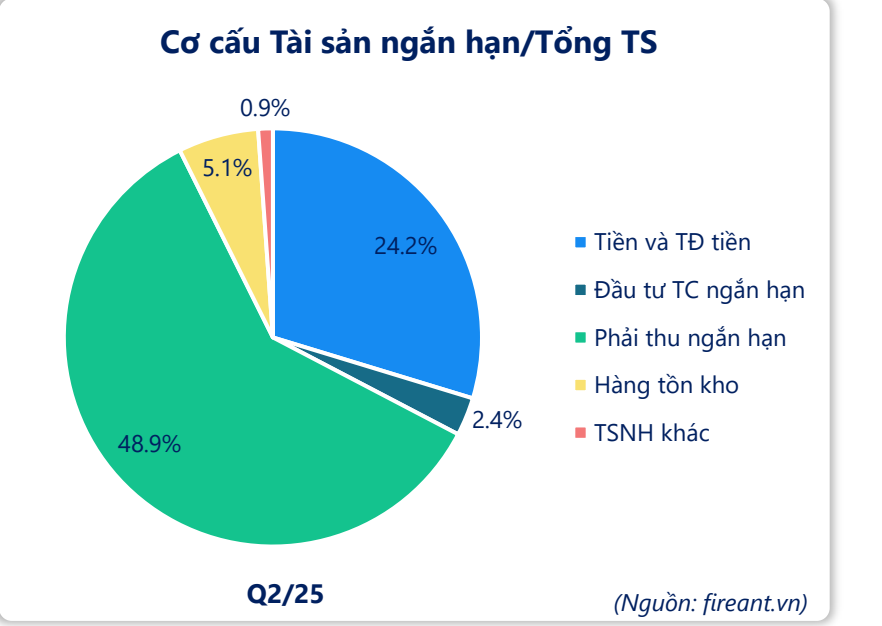
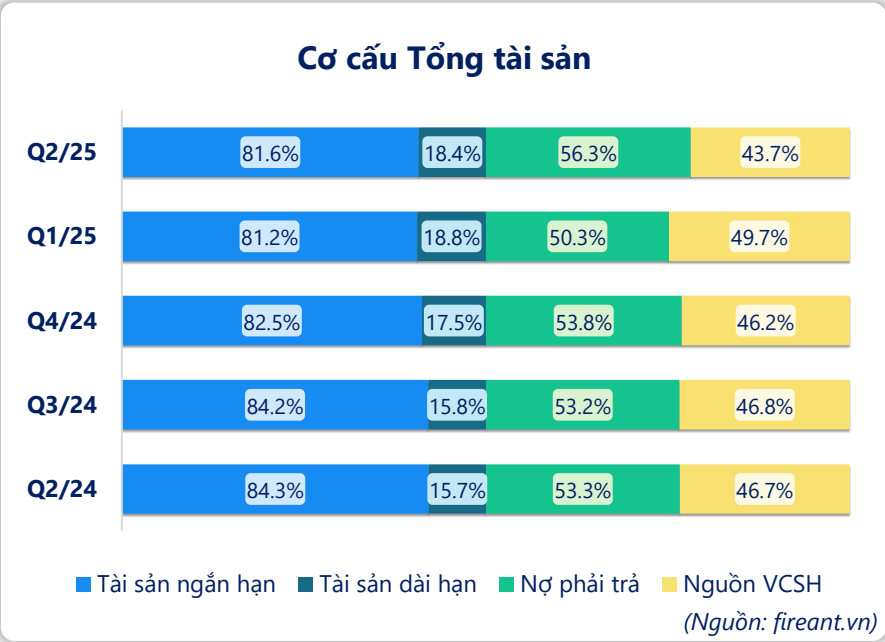
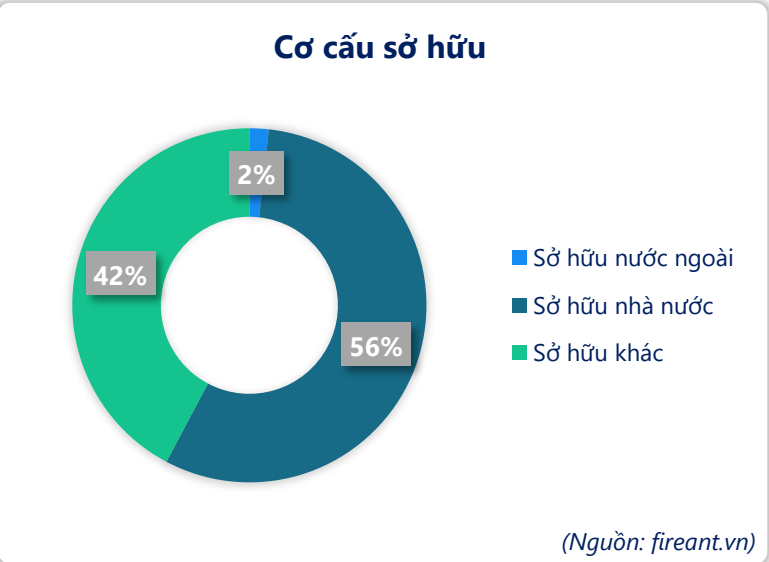
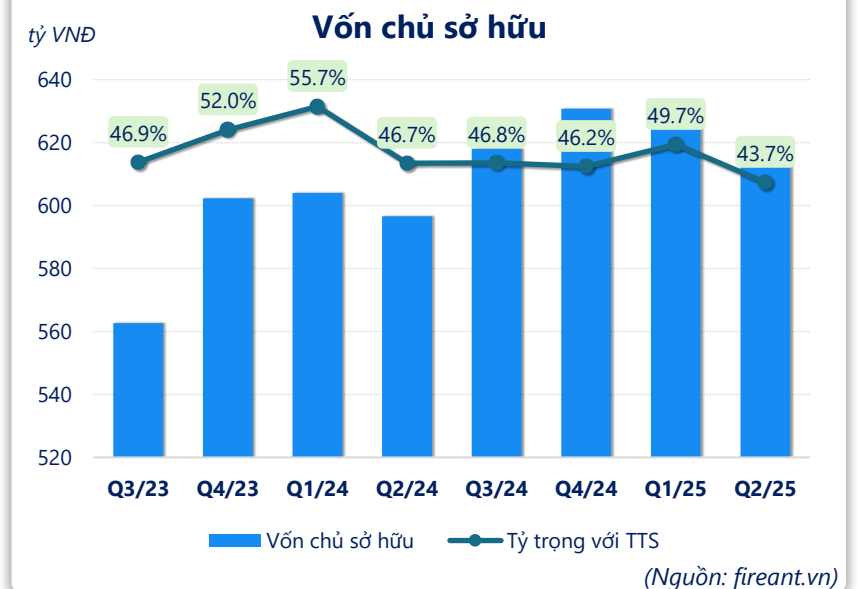
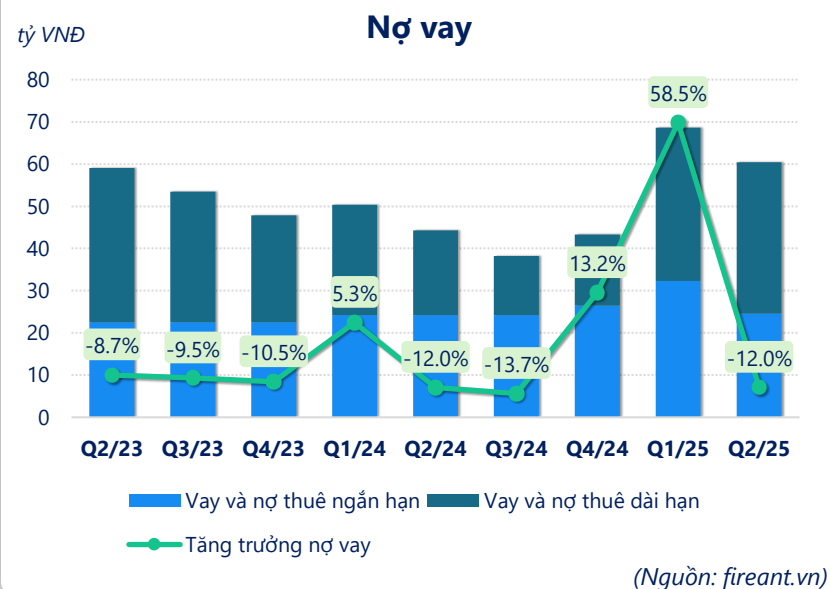
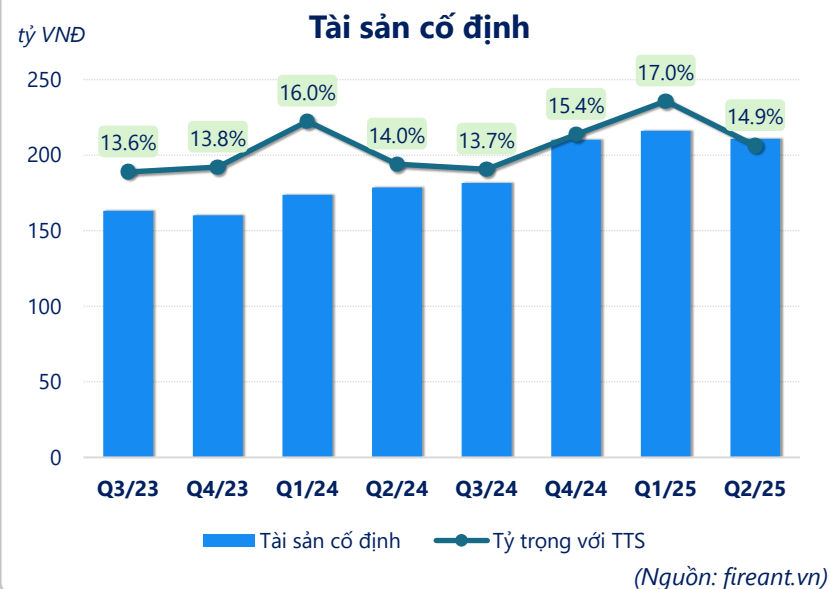
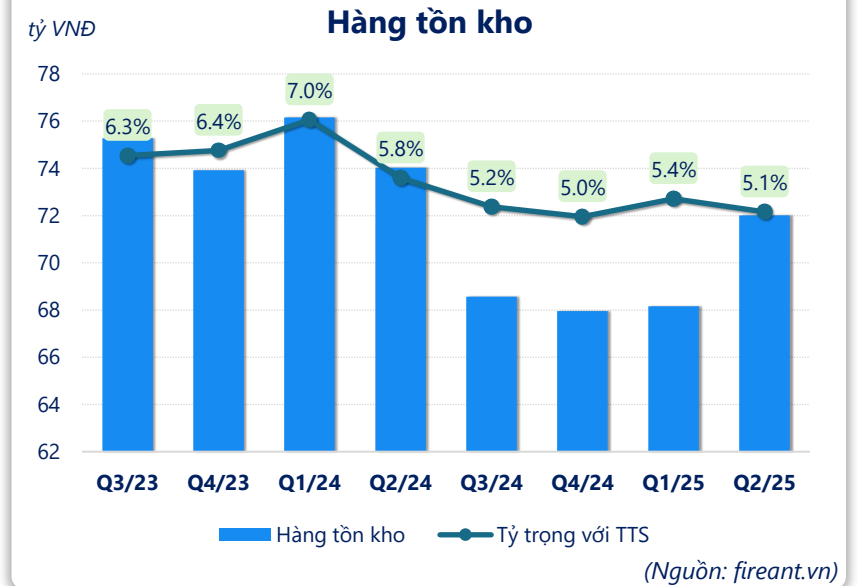
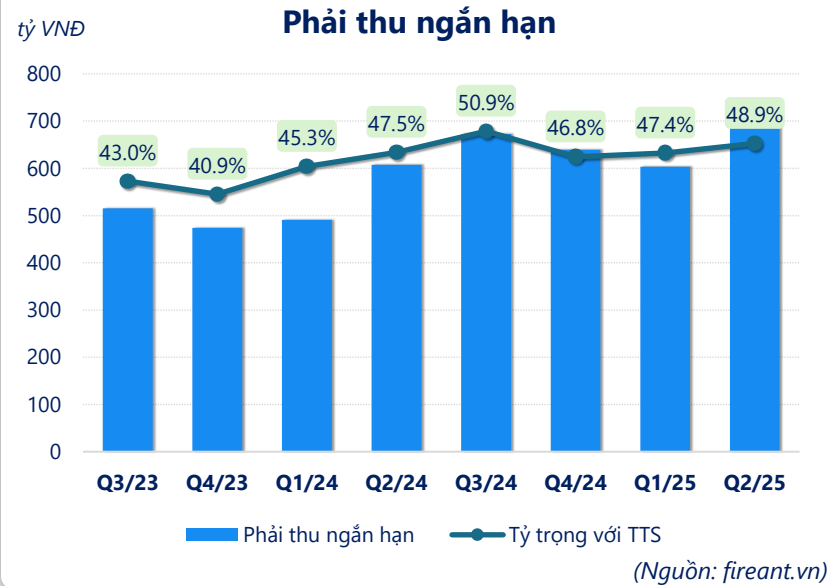
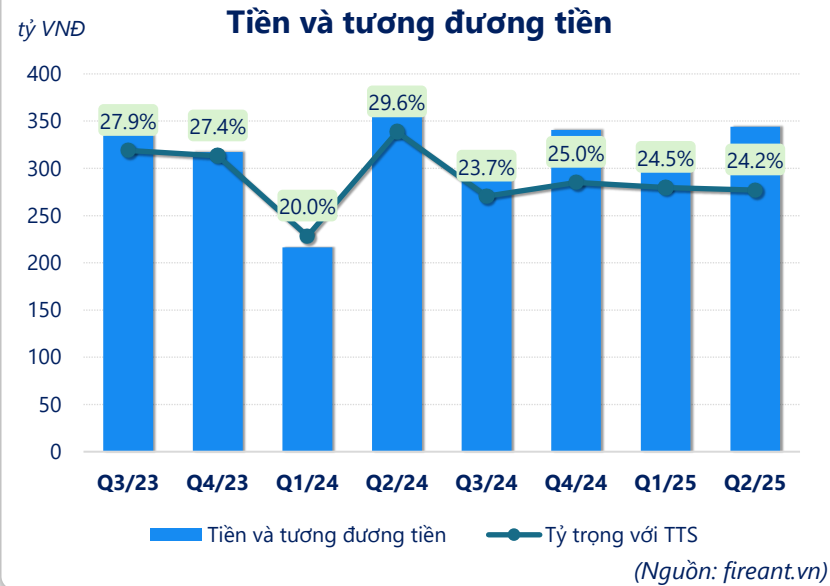
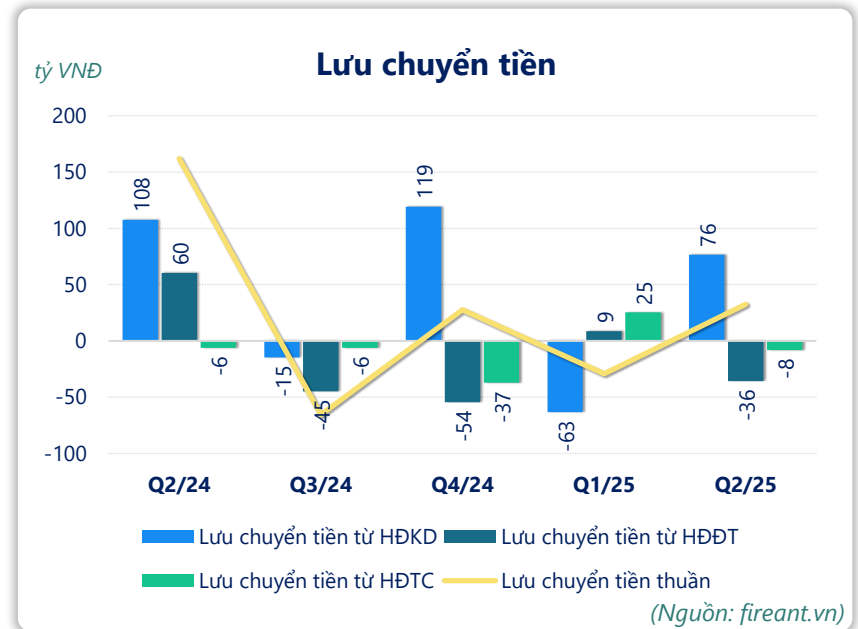
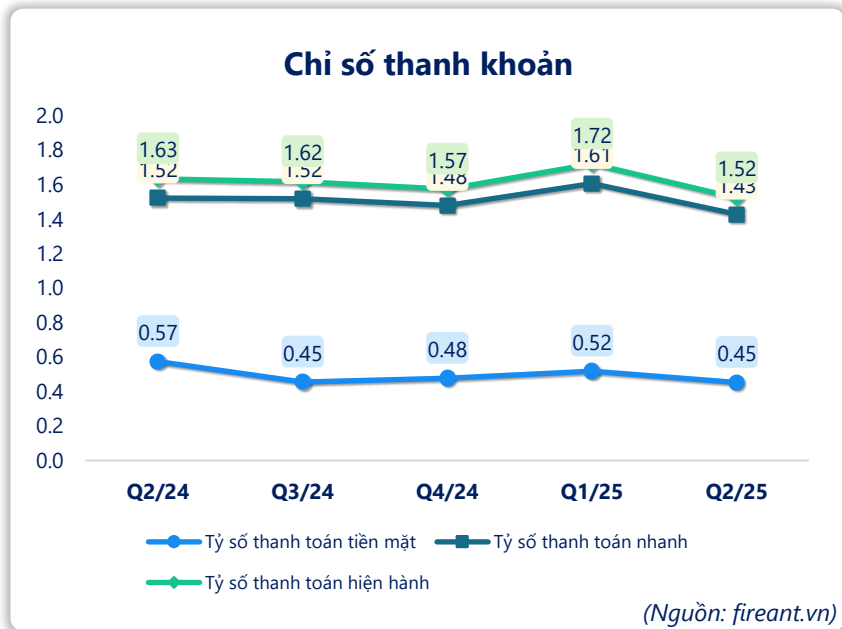
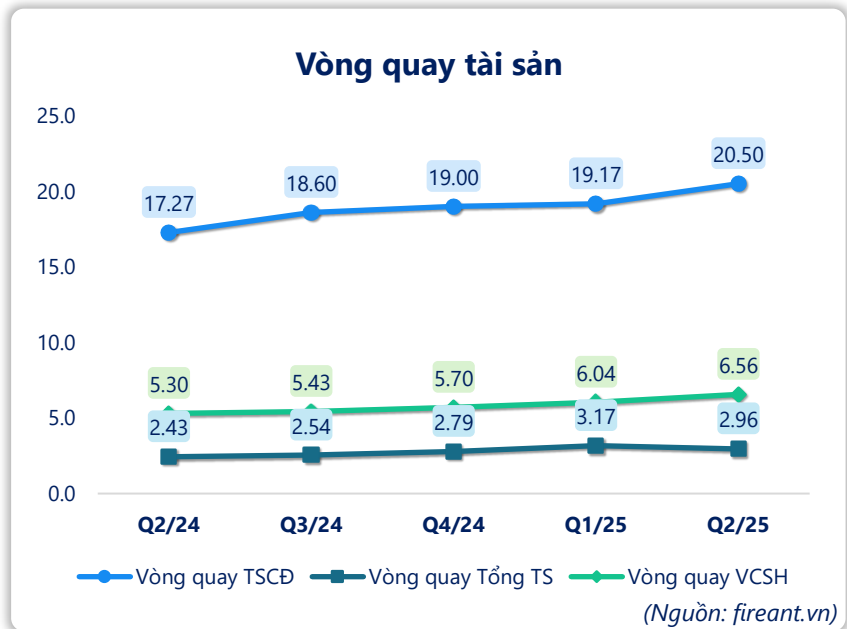
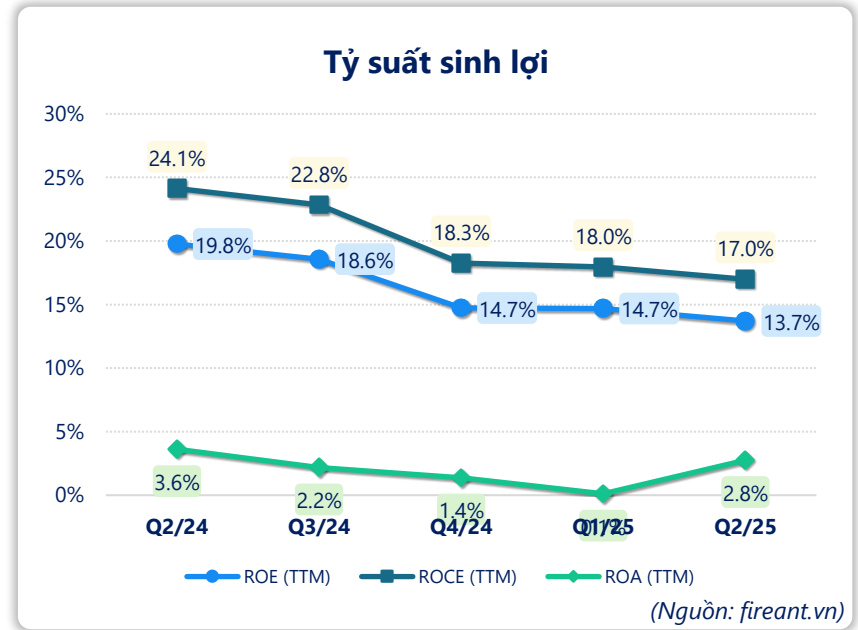
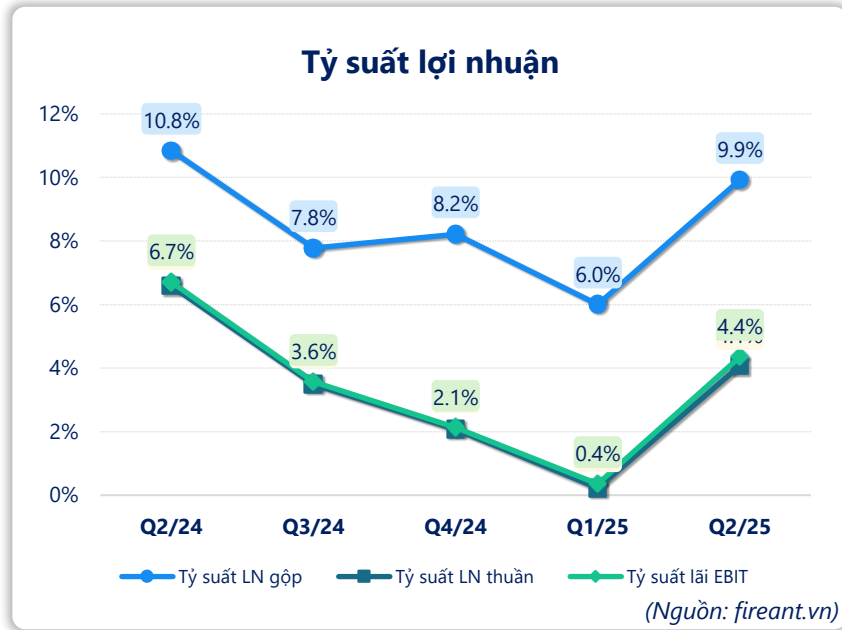
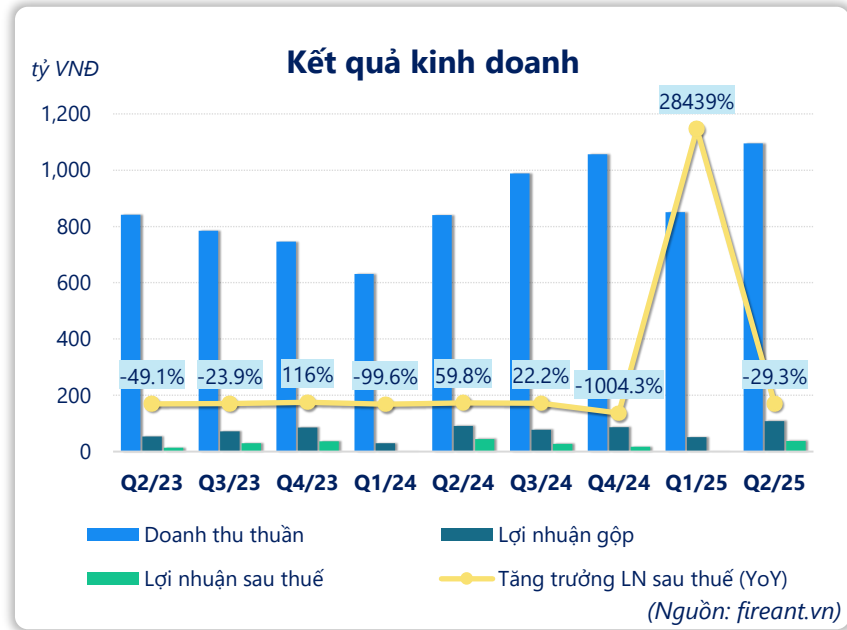


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		29,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,333
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,930
SL cổ phiếu LH		35,099,298
KLGD BQ 20 phiên (CP)		87,275
% sở hữu nước ngoài		1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,027
P/E		12.3
EPS		2,375

	YTD	1T	3T	6T
CNG	-0.1%	6.3%	-3.0%	-1.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,419	1,366	3.9%
Tài sản ngắn hạn	1,158	1,126	2.8%
Tiền và tương đương tiền	344	341	1.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.3	50.3	-31.8%
Phải thu ngắn hạn	694	639	8.6%
Hàng tồn kho	72.0	67.8	6.2%
Tài sản ngắn hạn khác	13.1	27.5	-52.4%
Tài sản dài hạn	261	240	8.7%
Phải thu dài hạn	0.53	0.53	0.0%
Tài sản cố định	211	210	0.3%
Bất động sản đầu tư	10.8	11.1	-2.2%
Tài sản dở dang	3.51	12.1	-70.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	35.4	6.22	469%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	799	735	8.8%
Nợ ngắn hạn	760	715	6.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.6	25.8	-4.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	570	627	-9.2%
Nợ dài hạn	39.2	20.2	93.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	35.8	17.5	104%
Nguồn vốn chủ sở hữu	620	631	-1.8%
Vốn chủ sở hữu	620	631	-1.8%
Vốn điều lệ	351	351	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	840	989	1,056	850	1,095
Giá vốn hàng bán	749	912	970	799	986
Lợi nhuận gộp	91.1	76.9	86.8	51.0	109
Doanh thu HĐTC	1.05	1.10	0.94	0.63	0.72
Chi phí TC	0.96	0.92	0.86	1.28	1.35
Chi phí lãi vay	0.82	0.75	0.66	1.11	1.13
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.27	9.60	33.5	18.3	31.1
Chi phí QLDN	28.6	33.0	31.4	30.2	32.3
LN thuần từ HĐKD	55.3	34.5	22.0	1.91	44.6
Lợi nhuận khác	0.16	0.04	-0.14	0.00	1.96
LN trước thuế	55.5	34.5	21.8	1.91	46.6
Lợi nhuận sau thuế	44.6	27.4	17.5	1.34	37.2
LNST của CĐ cty mẹ	44.6	27.4	17.5	1.34	37.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	108	-14.7	119	-63.2	76.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	60.4	-44.8	-54.5	8.62	-35.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.05	-6.05	-37.1	25.3	-8.25
Tiền đầu kỳ	216	378	313	341	311
Lưu chuyển tiền thuần	162	-65.5	27.8	-29.2	32.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	378	313	341	311	344

(Nguồn: fireant.vn)